

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 7 – 2026
(Về việc tranh chấp ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Phong và ông Bùi Văn Quyết.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Quách Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Mạnh Cơ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2026/QĐXX - ST ngày 03/7/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Đinh Xuân T**, sinh ngày 08/8/1987, số CCCD 017087001011. Địa chỉ: Khu M, nay là thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

- **Bị đơn:** Chị **Bùi Thị N**, sinh ngày 16/12/1991, số CCCD 017191001383. Địa chỉ: Khu M, nay là thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Đinh Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Hòa Bình, nay là xã T, tỉnh Phú Thọ ngày 18/3/2019. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại nhà riêng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách lối sống nên hay xảy ra cãi vã, thỉnh thoảng do nóng tính, mâu thuẫn kìm nén lâu ngày nên anh có xảy ra bạo lực gia đình với chị N, chị N bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và đi làm ăn xa, anh lên nhà trọ tìm chị

N để hàn gắn tình cảm nhưng xảy ra cãi vã và xô xát. Anh chị sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, nhận thấy tính cách không hợp, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15-Phú Thọ giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị N.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 (hai) con chung là Đinh Anh H, sinh ngày 01/01/2011 và Đinh Thúy V, sinh ngày 08/3/2019, hiện nay đang sống với anh tại thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung. Hiện nay anh có cửa hàng sửa chữa xe máy tại nhà, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng – 10.000.000 đồng/tháng, đảm bảo cuộc sống của ba bố con nên anh chưa yêu cầu chị Bùi Thị N việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung.

- Bị đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng đúng như anh Đinh Đức T1 khai. Chị xác định tình cảm với anh T1 không còn. Tính cách không hợp, anh T1 hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng hay cãi nhau, anh T1 nóng tính hay bạo lực gia đình với chị, lần nặng nhất là vào ngày 01/3/2023, nửa đêm anh T1 gọi dậy và dùng vật gì đó đánh vào đầu chị, chị hoa mắt và ngất đi. Chị đã báo chính quyền địa phương giải quyết và chị đã giao nộp biên bản hòa giải của khu xóm, chị tha thứ nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi. Chị và anh T1 sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay, vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Việc anh Đinh Đức T1 xin ly hôn chị không đồng ý, vì chị vẫn còn bức tức anh T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 (hai) con chung là Đinh Anh H, sinh ngày 01/01/2011 và Đinh Thúy V, sinh ngày 08/3/2019. Nếu trong trường hợp ly hôn, chị đồng ý với nguyện vọng của anh Đinh Xuân T, anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung vì các con chung đang sống cùng anh T ổn định, hiện tại chị chưa có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị N giữ nguyên nội dung đã trình bày.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Xuân T, xử cho anh Đinh Xuân T được ly hôn chị Bùi Thị N.

Về con chung: Giao cho anh Đinh Xuân T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung Đinh Anh H, sinh ngày 01/01/2011 Đinh Thúy V, sinh ngày 08/3/2019. Ghi nhận anh Đinh Xuân T chưa yêu cầu chị Bùi Thị N việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; về nợ chung: Anh Đinh Xuân T và chị Bùi Thị N không có tài sản chung và nợ chung. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tài liệu chứng cứ anh Đinh Xuân T giao nộp tại Tòa án:

- Giấy chứng nhận kết hôn giữa Đinh Xuân T và Bùi Thị N (*bản chính*);
- Căn cước công dân của anh Đinh Xuân T (*bản sao*);
- Căn cước công dân của chị Bùi Thị N (*bản sao*);
- Giấy khai sinh mang tên Đinh Anh H, sinh ngày 01/01/2011 (*bản sao*);
- Giấy khai sinh mang tên Đinh Thúy V, sinh ngày 08/3/2019 (*bản sao*);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Đinh Xuân T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ giải quyết việc ly hôn với Chị Bùi Thị N, sinh ngày 16/12/1991, số CCCD 017191001383. Địa chỉ: Khu M, nay là thôn B, xã T, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa Anh Đinh Xuân T và chị Bùi Thị N là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Đinh Xuân T: Anh T trình bày quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc mà xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị N khai do tính cách không hợp, anh T hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng hay cãi nhau, anh T nóng tính hay bạo lực gia đình với chị. Quá trình chung sống do hai người đều nhận thấy tính cách không hợp, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, bắt đầu quan điểm sống. Chị N, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên, chị N không đồng ý ly hôn vì còn bức tức với anh T. Như vậy, thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh T, chị N tại Khu M, xã T, tỉnh Phú Thọ và gia đình chị N. Kết quả cho thấy: Trước đây, anh T và chị N có xảy ra mâu thuẫn và đã ly hôn, đến năm 2019 thì kết hôn lại lần 2, anh T và chị N tại địa phương không tham gia đoàn thể nào. Quá trình sinh sống, hai vợ chồng anh T và chị N có xảy ra mâu thuẫn và xô xát, đánh chửi nhau, chị N có trình báo với địa phương và phía gia đình chị N có yêu cầu xóm giải quyết, tuy nhiên khi chính quyền địa phương triệu tập, anh Đinh Đức T1 không có mặt để tham gia hòa giải của khu xóm. Chị N và anh T1 sống ly thân 2-3 năm nay, chị N làm ăn xa, thỉnh thoảng về nhà bố mẹ đẻ của chị N là ông Bùi Văn T2 và bà Bùi Thị D ở vài ngày, 02 con chung của anh T1 và chị như hiện đang ở với bố là anh Đinh Xuân T. Gia đình chị N đã nhiều lần khuyên nhủ và hòa giải nhưng anh T và chị N đều không đồng ý quay lại đoàn tụ với nhau nữa.

Xét thấy, vợ chồng anh T sống ly thân, thời gian sống ly thân đã lâu, không quan tâm gì đến nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của anh Đinh Xuân T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.2] *Về con chung*: Anh Đinh Xuân T và chị Bùi Thị N có 02 (hai) con chung là Đinh Anh H, sinh ngày 01/01/2011 và Đinh Thúy V, sinh ngày 08/3/2019. Xét yêu cầu được nuôi con của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo các điều kiện tốt nhất về chăm sóc, giáo dục và tránh bị sáo trộn về mặt tâm lý. Mặt khác, chị N không đồng ý ly hôn, tuy nhiên, nếu trong trường hợp ly hôn, chị đồng ý với nguyện vọng của anh Đinh Xuân T, anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung vì các con chung đang sống

cùng anh T, hiện tại chị chưa có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Như vậy, con chung đang sinh sống ổn định với anh T. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, chị N thỉnh thoảng mới quan tâm và hỗ trợ kinh tế với anh T để nuôi con chung. Anh T đang làm công việc sửa chữa xe máy cửa hàng tại nhà, thu nhập khoảng 7.000.000 – 10.000.000/tháng. Do vậy, đề nghị của anh T cũng như ý kiến của chị N, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giao cho anh T được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Anh T chưa yêu cầu chị Bùi Thị N việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Vợ chồng anh T, chị N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Anh Đinh Xuân T và chị Bùi Thị N không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Anh Đinh Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 sửa đổi (Luật số 85/2025/QH 15: Luật sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật Tư pháp người chưa thành niên; Luật phá sản; Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án); khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Đinh Xuân T. Xử cho anh Đinh Xuân T ly hôn chị Bùi Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Đinh Xuân T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) con chung là Đinh Anh H, sinh ngày 01/01/2011 và Đinh Thúy V, sinh ngày 08/3/2019. Anh Đinh Xuân T chưa yêu cầu chị Bùi Thị N việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đinh Xuân T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đinh Xuân T đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0004034 ngày 06/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ (cơ sở 3);
- VKSND khu vực 15 - Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ (Nơi đăng ký kết hôn: UBND xã Mãn Đức; đăng ký ngày 18/3/2019)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hương

